

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ IA HIAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/NQ-HĐND

Ia Hiao, ngày 01 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ  
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ BA (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh (khóa XII, kỳ họp thứ 3 chuyên đề) về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;;*

*Theo Tờ trình số 66 /TTr-UBND ngày 26/9/2025 của UBND xã về việc xin ý kiến điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-BKTNS ngày 29/9/2025 của Ban Kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân xã; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã trên Ia Hiao. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025: Chi tiết theo Biểu 01, Phụ lục 1.1 đính kèm.

2. Các nội dung khác không điều chỉnh tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của HĐND xã Ia Hiao.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã và cơ quan có chức năng giám sát thường xuyên giám sát việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Hiao khóa IV, Kỳ họp thứ Ba (chuyên đề) thông qua ngày 01 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đơn vị cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử của xã;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Phương**



BIỂU 01

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI  
NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Nghị Quyết số 17/NO-HDND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của HĐND xã Ia Hiao)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Tên Dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Kính phí được giao tại Nghị quyết số 09/NO-HDND ngày 07/8/2025 của HĐND xã Ia Hiao |           |       |              | Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-) |            |        |              | Kính phí sau điều chỉnh |           |        |              | Đơn vị thực hiện       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------|--------------|------------------------------|------------|--------|--------------|-------------------------|-----------|--------|--------------|------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tổng                                                                               | NSTW      | Tỉnh  | Ngân sách xã | Tổng                         | NSTW       | Tỉnh   | Ngân sách xã | Tổng                    | NSTW      | Tỉnh   | Ngân sách xã |                        |
|     | Tổng cộng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3.254,040                                                                          | 3.147,700 | 0,000 | 106,340      | -172,405                     | -176,693   | 12,704 | -8,416       | 3.081,635               | 2.971,007 | 12,704 | 97,924       |                        |
| 1   | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt                                                                                                                                                                                                                                                                            | 276,000                                                                            | 276,000   |       |              | 0,000                        |            |        |              | 276,000                 | 276,000   | 0,000  | 0,000        |                        |
| 1.1 | Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 90,000                                                                             | 90,000    |       |              | 0,000                        |            |        |              | 90,000                  | 90,000    | 0,000  | 0,000        | Phòng Kinh tế          |
| 1.2 | Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 186,000                                                                            | 186,000   |       |              | 0,000                        |            |        |              | 186,000                 | 186,000   | 0,000  | 0,000        |                        |
| 2   | Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị                                                                                                                                                                                                             | 877,000                                                                            | 832,000   |       | 45,000       | -62,000                      | -62,000    |        | 0,000        | 815,000                 | 770,000   | 0,000  | 45,000       |                        |
| 2.1 | Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (dự án liên kết trong chuỗi nuôi bò sinh sản an toàn dịch bệnh trên địa bàn xã Ia Hiao)                                                                                                                                                                                           | 815,000                                                                            | 770,000   |       | 45,000       | 0,000                        |            |        |              | 815,000                 | 770,000   | 0,000  | 45,000       | Phòng Kinh tế          |
| 2.2 | Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                                                                                                                                           | 62,000                                                                             | 62,000    |       |              | -62,000                      | -62,000    |        |              | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        |                        |
| 3   | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                                                                                                                                                       | 313,440                                                                            | 269,760   |       | 43,680       | 1,677,195                    | 1,655,247  | 12,704 | 9,244        | 1,990,635               | 1,925,007 | 12,704 | 52,924       |                        |
| 3.1 | Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chỉnh sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                                                                                                                                | 313,440                                                                            | 269,760   |       | 43,680       | 1,677,195                    | 1,655,247  | 12,704 | 9,244        | 1,990,635               | 1,925,007 | 12,704 | 52,924       | Phòng Kinh tế          |
| -   | Duy tu bảo dưỡng công trình đường giao thông nông thôn thôn Sô Ma Lư A                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                    |           |       |              | 90,000                       | 900,000    |        |              | 900,000                 | 900,000   |        |              |                        |
| -   | Duy tu bảo dưỡng công trình đường giao thông nông thôn Bôn Lư A xã Ia Hiao                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 313,440                                                                            | 269,760   |       | 43,680       | 777,195                      | 755,247    | 12,704 | 9,244        | 1,090,635               | 1,025,007 | 12,704 | 52,924       |                        |
| 4   | Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1,338,000                                                                          | 1,338,000 |       |              | -1,338,000                   | -1,338,000 | 0,000  | 0,000        | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        |                        |
| 4.1 | Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông cơ học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số                                                                                                                              | 1,089,000                                                                          | 1,089,000 |       |              | -1,089,000                   | -1,089,000 |        |              | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        | Chi tiết PL.1.1        |
| 4.2 | Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 60,000                                                                             | 60,000    |       |              | -60,000                      | -60,000    |        |              | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        |                        |
| 4.3 | Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                                                                                                                                            | 91,800                                                                             | 91,800    |       |              | -91,800                      | -91,800    |        |              | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        | Phòng Văn hóa - Xã hội |
| 4.4 | Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp                                                                                                                                                                                                                                                          | 97,200                                                                             | 97,200    |       |              | -97,200                      | -97,200    |        |              | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        |                        |
| 5   | Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em                                                                                                                                                                                                                                                            | 130,000                                                                            | 122,340   |       | 7,660        | -130,000                     | -122,340   |        | -7,660       | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        | UB Mặt trận TQVN xã    |
| 6   | Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù                                                                                                                                                                                                                                                                    | 99,900                                                                             | 96,000    |       |              | -99,900                      | -96,000    |        | -3,900       | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        |                        |
| 6.1 | Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                                                                                                                                                            | 99,900                                                                             | 96,000    |       | 3,900        | -99,900                      | -96,000    |        | -3,900       | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        | Phòng Văn hóa - Xã hội |
| 7   | Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình                                                                                                                                                                                           | 219,700                                                                            | 213,600   | 0,000 | 6,100        | -219,700                     | -213,600   | 0,000  | -6,100       | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        |                        |
| 7.1 | Tiểu dự án 1: Điều dưỡng, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, trẻ em thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | 205,200                                                                            | 200,100   |       | 5,100        | -205,200                     | -200,100   |        | -5,100       | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        | Phòng Văn hóa - Xã hội |
| 7.2 | Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình                                                                                                                                                                                                                                                               | 14,500                                                                             | 13,500    |       | 1,000        | -14,500                      | -13,500    |        | -1,000       | 0,000                   | 0,000     | 0,000  | 0,000        |                        |

*(Signature)*



PHỤ LỤC 1.1

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2025: TIÊU DỰ ÁN 1- DỰ ÁN 5: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CÙNG CÓ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PTĐTNT, TRƯỜNG PTĐT BÁN TRÚ, TRƯỜNG PTĐT CÓ HỌC SINH BÁN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS

(kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 01 tháng 10 năm 2023 của HĐND xã Ia Hiao)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Các đơn vị                                                                                                                   | Tổng      | Kinh phí được giao<br>tại Nghị quyết số 09/NQ-<br>HĐND ngày 07/8/2025<br>của HĐND xã Ia Hiao |       | Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-) |       | Kinh phí sau điều chỉnh |       | Ghi chú                                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|-------|-------------------------|-------|----------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                              |           | NSTW                                                                                         | NS xã | NSTW                         | NS xã | NSTW                    | NS xã |                                                                |
| I   | Tổng cộng (A)+(B)                                                                                                            | 1.089,000 | 1.089,000                                                                                    |       | -1.089,000                   |       | 0                       | 0     |                                                                |
| A   | Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị<br>cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán<br>trú, có học sinh bán trú |           |                                                                                              |       |                              |       |                         |       |                                                                |
| B   | Nội dung: Xóa mù chữ                                                                                                         | 1.089,000 | 1.089,000                                                                                    |       | -1.089,000                   |       | 0                       | 0     |                                                                |
| 01  | Trường TH Trần Phú                                                                                                           | 363,000   | 363,000                                                                                      |       | -363,000                     |       | 0                       | 0     | Ấp 01 lớp xóa mù chữ với 46 học viên và<br>01 lớp tuyên truyền |
| 02  | Trường TH Kpá Klong                                                                                                          | 363,000   | 363,000                                                                                      |       | -363,000                     |       | 0                       | 0     | Mở 01 lớp xóa mù chữ với 46 học viên và<br>01 lớp tuyên truyền |
| 03  | Trường TH Nguyễn Văn Trỗi                                                                                                    | 363,000   | 363,000                                                                                      |       | -363,000                     |       | 0                       | 0     | Mở 01 lớp xóa mù chữ với 46 học viên và<br>01 lớp tuyên truyền |

*[Handwritten signature]*